TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đặng;

2. Bà Từ Thị Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị Kim T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 18, khu phố AL, phường HL, thị xã BC (nay là thành phố BC), tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Nhân N, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 77, tổ 14, 3, phường MP, thị xã BC (nay là thành phố BC), tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Châu Thị Kim T trình bày:

Bà T và và ông Bùi Nhân N qua thời gian tìm hiểu thì quyết định đi tới hôn nhân. Bà T và ông N có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/01/2019, việc đăng ký kết hôn do 02 bên tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng

quan điểm với nhau về rất nhiều vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng chung sống nhưng thường xuyên to tiếng, nặng lời với nhau, không có tiếng nói chung với nhau khi quyết định vấn đề gì. Nguyên nhân theo bà T là ông N không chăm lo làm ăn mà hay chơi bời với đám bạn bè, và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà T đã cố gắng khuyên răn nhưng ông N không nghe, không quan tâm chăm sóc vợ con. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông N nữa nên bà T đã cùng con dọn ra sống riêng được khoảng 03 năm nay. Trong thời gian ở riêng thì ông N cũng không đi lại thăm nom con cái, không quan tâm chăm sóc tới vợ con. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N.

Quá trình chung sống, bà Châu Thị Kim T và ông Bùi Nhân N có một con chung là Bùi Danh C, sinh ngày 23/7/2019. Từ sau khi không sống chung (khoảng 03 năm) cho đến nay con chung đều do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại Đơn khởi kiện, bà có yêu cầu ông Bùi Nhân N cấp dưỡng nuôi con chung mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên bà nhận thấy ông N cũng không có trách nhiệm nên đã rút lại yêu cầu cấp dưỡng, bà T sẽ trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Bùi Nhân N đã được được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện gửi đến Tòa án.

** Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được quyền ly hôn với bị đơn. Về con chung, đề nghị giao con chung là cháu Bùi Danh C, sinh ngày 23/7/2019 cho bà Châu Thị Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự có

tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn ông Bùi Nhân N có địa chỉ cư trú tại: Khu phố 3, phường Mỹ Phước thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát), tỉnh Bình Dương, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát (nay là Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát), tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn bà T đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Châu Thị Kim T và ông Bùi Nhân N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/01/2019. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp.

Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông N do bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được. Xét thấy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, điều đó cho thấy bị đơn không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nguyên đơn. Ông N và bà T hiện đã không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng, đã không còn chung sống với nhau trong một khoảng thời gian dài (03 năm). Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T với bị đơn ông N, bà T được ly hôn với ông N.

Về con chung: Xét con chung của bà T và ông N là cháu Hoàng Bùi Danh C, sinh ngày 23/7/2019, hiện tại bà T đang là người trực tiếp nuôi con, bà T tự nhận thấy mình đủ khả năng nuôi dưỡng con chung, đồng thời có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận. Bà T cũng tự nguyện không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu theo quy định.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Kim T đối với bị đơn ông Bùi Nhân N về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Kim T được ly hôn với ông Bùi Nhân N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Danh C, sinh ngày 23/7/2019 cho bà Châu Thị Kim T được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Bùi Nhân N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và ông N đều có quyền và nghĩa vụ đối với các con chung. Ông N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Châu Thị Kim T phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai số 000748 ngày 12/3/2024 tại Chi cục THADS thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát), tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Ngọc Duyên **Lê Văn Đặng** **Lại Thị Ngọc Bích**